

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

## QUYỂN 78

### Phẩm 8: NÓI VỀ ĐỊNH (PHẦN 2)

Tông ta nói định, dùng lạc căn của tĩnh lự Sơ, Nhị làm chi, trái với chánh lý nào?

Ông chấp thân thọ, mới có lạc căn, không phải trong các định có thể khởi thân thức.

Há không trái nhau với chánh lý này hay không?

Điều ấy cũng không có trái, vì Tông ta đã thừa nhận chánh ở vị định. Do sức của thắng định, khởi thuận với lạc thọ. Gió Khinh an mâu nhiệm, tiếp xúc khắp nơi thân, phát thân thức.

Như thế, về nghĩa bào chứa chưa tránh khỏi lỗi lầm trước, chỉ khởi thân thức, không phải vì ở định, nghĩa là tông ta cũng thừa nhận chánh ở vị định, có ly sinh hỷ lạc đã dẫn cực vi khắp ở trong thân, như sức giải bày trong đoàn thể, có công năng đối trị các phẩm phiền não. Sức thô nặng của thân, thấu nhiếp lợi ích nơi thân, cũng gọi là lạc không có nào hại, nhưng không thừa nhận ở trong vị định này, có công năng xúc động thân, phát sinh thân thức.

Quả đẳng trì này khi sinh như thế, có năng lực khiến cho đẳng trì an trụ vững chắc, nên xúc mâu nhiệm này khởi không uổng phí. Nếu trong vị này chấp nhận khởi thân thức, vì tán loạn bên ngoài, nên phải làm hư hoại đẳng trì.

Nếu cho gió này từ thắng định khởi, dẫn lạc trong thân, thuận với khởi đẳng trì, nên thân thức sinh không có lỗi lầm hoại định thì, cũng không đúng. Vì cho dù thuận với đẳng trì, nhưng thân thức sinh, bèn không phải định, nên chánh ở vị định, có trái nhau với định. Thức bất định sinh làm sao không hủy hoại định? Ví như vì thuận với định, nên không phải vĩnh viễn lui mất, nhưng tâm tán sinh, sao không phải xuất định?

Không phải khởi gia hạnh thuận với định, tán tâm đã được gọi là định chánh trụ.

Thế nên, khi thân thức hiện ở trước, về lý, nên gọi là đã từ định xuất.

Đã thế, sao nói là chi tĩnh lự? Lại, lạc này sinh, nên gọi mũi nhọn của định. Do lạc thọ này, thân thức đều cùng sinh, xen lẫn tâm định, khiến không liên tục. Lại dùng thân căn cõi Dục làm chỗ dựa, về lý không nên sinh xúc thức cõi Sắc, nên không thể nói thân ở cõi Dục, thân thức đều cùng thọ lãnh xúc khinh an, mầu nhiệm mà tĩnh lự đã sinh trong cõi Sắc.

Nếu cho rằng vì xúc này dựa vào nội tại khởi, nên chấp nhận dựa vào thân cõi Dục phát sinh thức kia, thì đây chỉ có lời nói, không có lý giáo. Nghĩa là giáo lý nào chứng dựa vào thân cõi Dục, nhận lấy khinh an cõi Sắc, vì không phải xúc khác, nên thuyết kia chấp trái vượt với giáo lý, chỉ tông Đối pháp đã nói không có lỗi lầm.

Ở đây, Thượng tọa nói như thế này: Làm sao biết được khinh an gọi lạc?

Không ít Thánh giáo, đối với thể khinh an, lập dùng tên lạc. Lại, nhận thấy ở đây, nói khác, gọi lạc. Về nghĩa, vì không có ích, nên nếu thể khinh an thì nên nói tên khinh an, không phải nói. Khinh an có lỗi không có lạc, kinh thuyết: Khinh an là nhân của lạc, như Khế kinh thuyết: Vì tâm hỷ, nên thân khinh an, vì khinh an, nên thân thọ nhận lạc.

Thế nên, biết lạc không phải tức khinh an.

Phá đây, đồng với thuyết trước mà Kinh chủ đã dẫn. Tuy nhiên, Thượng tọa kia nói: Nếu là thể khinh an, thì nên nói khinh an.

Thuyết này phi lý, vì lỗi tránh chi tĩnh lự, nói không đối. Chớ nói Sơ tĩnh lự, ly sinh hỷ khinh an. Lại, khinh an trong nghĩa này, gọi là lạc. Về nghĩa có ích cho các khổ não của địa dưới. Vì khiến cho ưa mong cầu sinh địa trên, nghĩa là tất cả địa đều có khinh an.

Làm sao khiến biết địa trên đều là lạc, phát siêng năng tinh tấn, vì lìa nhiệm của địa dưới? Cho nên, đối với thể khinh an, giả đặt tên lạc, ở trong nghĩa này cùng trở nên có ích. Mặc dù lạc khinh an, khắp tất cả địa, nhưng nay, ở trong chi tĩnh lự này, chỉ là nhân của, quả lạc, mới nói gọi là lạc.

Tĩnh lự thứ hai dù không có lạc căn, mà nói khinh an kia làm nhân của quả lạc, tức dùng lý lạc căn, hỷ căn, vì cùng nói gọi là lạc.

Vì nói khinh an, nên thân thọ nhận niềm vui, nghĩa là càng chứng

đắc khinh an, càng được gọi là lạc.

Vì khinh an khởi công năng đối trị tánh thô, nặng của phẩm hôn trầm trong thân, khiến thân, yên ổn nhẹ nhàng, thọ lạc, trừ lạc này, chắc chắn không có thứ khác như, là Thi la v.v... theo thứ lớp đã đắc, nên tông Đối pháp đã nói không có lỗi.

Nay nên tư duy lựa chọn trong định thứ ba, địa ý thọ vui (duyệt) đã được tướng hỷ, nên gọi là hỷ. Vì sao gọi là lạc?

Gọi lạc ở đây cũng có nguyên nhân, vì các hỷ căn không vắng lặng, nghĩa là hỷ dao động, hỗn hởi, nhiều loạn tâm định, như nước, sóng cả, vọt lên, nổi lồng bông. Địa ý của Sơ, Nhị tĩnh lự, vui vẻ thọ nhận. Vì có tướng như thế, nên được gọi là hỷ.

Tâm vui vẻ thọ nhận này trong định thứ ba, tướng ấy trầm lắng, chuyển biến, được gọi là lạc, nên dụng xả tăng thượng trong định này, vì từ bỏ hỷ, nên lập chi hành xả.

Trong định thứ tư, lại vì bỏ lạc, nên hành xả kia được gọi là thanh tịnh.

Vì sao các địa niệm, tuệ đều có, mà niệm chỉ ở hai tĩnh lự trên. tuệ ở định thứ ba, mới được lập làm chi. Tùy đối tượng thích hợp với tuệ, vì thuận theo khắp, nghĩa là hỷ và lạc trong ba hữu, là các hữu tình rất ham vui vị, là tốt cùng trong vị mê đắm của tĩnh lự thứ ba, có niềm vui thù thắng nhất trong sinh tử, nên về lý, lẽ ra phải lập tuệ quán sát, chán bỏ. Nếu người không có tuệ, thì thiện căn của địa mình còn không thể thành, hướng chi tiến đến cầu thù thắng.

Vì trị lỗi lầm của địa mình như thế, nên tĩnh lự thứ ba, lập tuệ làm chi, vì địa khác không như thế, nên không lập tuệ.

Tĩnh lự thứ hai có hỷ tối thắng, nhẹ nhàng lại nao loạn như La-sát tư.

Trong định thứ ba, có lạc tối thắng, như diệu dục của cõi trời rất là khó bỏ.

Định thứ ba thứ, tư, do chi hành xả, tùy theo đối tượng thích ứng của hành xả, dù đã bỏ nhưng e lui sụt khởi lập niệm ngăn dứt, vì địa khác không như thế, nên không lập niệm. Nhưng thế dụng của niệm thứ ba, bền chắc không phải chỉ giúp đỡ xả, cũng có công năng giúp đỡ tuệ, có cả khả năng phòng bị lỗi của địa mình, địa khác.

Tĩnh lự thứ tư không như thế, vì không có lỗi của tự địa, nên do đó, thứ tư không lập chi tuệ. Hoặc định sơ, nhị, tâm hỷ dao động trôi nổi, dù có niệm, tuệ ngăn ngừa mà dụng soi rọi nhỏ nhiệm.

Trong định thứ tư, bị hai xả che, vì thuận với vô minh, nên tác

dụng tuệ không tăng, nên tuệ chỉ có ba, niệm có cả hai định trên. Hoặc vì lỗi của lạc rất nhỏ nhiệm ở định thứ ba, nên không lập chi tuệ, không có công năng soi rọi, giám sát. Nếu không soi rọi giám sát, thì sẽ không nhằm chán tìm tội lỗi lầm tai họa của địa mình, công đức của địa trên. Nhưng tầm hỷ của địa dưới, lỗi thô sắc của địa trên, dù soi rọi, chán cầu, nhưng chưa làm được việc đặc biệt kỳ lạ, nên tuệ của ba địa khác, không lập chi. Vì lỗi của lạc trong định thứ ba khó biết rõ, như Phật nói: bậc Thánh nên nói, nên biết, do công dụng của tuệ trong định này rất tối thắng, vì có khả năng biết lỗi nhỏ nhiệm, nên lập, làm chi, dù biên thứ tư, tuệ cũng có khả năng hiểu rõ, mà chỉ tướng chung chưa làm điều đặc biệt, nghĩa là tuệ kia và lạc trói buộc địa không đồng, là đạo lìa nhiễm, quán chung lỗi của địa dưới, không phải như tuệ của địa mình, đồng một ràng buộc, có công năng quán lỗi riêng, mới cho là ít có kỳ lạ, nên tự lập chi, tuệ bên trên không như thế. Lại, đối với đã được tĩnh lự thứ ba, ở biên thứ tư không phải đều tự tại nên đối với khi sắp lìa lạc, thọ nhiễm, tuệ kia không chấp nhận làm thể chi, nên chỉ định thứ ba lập tuệ làm chi. Nhưng khi chánh hiểu rõ và đầu tiên đã lìa, đều nên ngăn giữ, cần lập chi niệm.

Vì sao lập khinh an làm thể chi?

Vì định sơ nhị, công dụng khinh an tăng, xúc trước kia, ở vị trí không thù thắng, do thể dụng này, tinh tấn, siêng năng không bỏ, có công năng khiến cho nối tiếp nhau, có khả năng gắng chịu, có thể giúp đỡ đẳng trì, khiến dẫn đức thù thắng, vì có công dụng thù thắng, nên lập làm chi.

Nội đẳng tịnh, gọi là pháp gì?

Gọi tâm, tứ dứt ở tâm định vững chắc.

Có thuyết nói: Thời gian trước kia, tâm, tứ cố động, khiến tâm không vững chắc lăm đối với cảnh. Nay, đối với sở duyên, vì mới có công năng một hướng, nên nói Nội đẳng tịnh, gọi là đối với tâm định vững chắc. Nội đẳng tịnh kia làm sáng tỏ tâm định này, gọi là định thù thắng, thì nội đẳng tịnh lẽ ra không có vật thể riêng. tĩnh lự thứ hai nên chỉ có ba chi?

Cách giải thích kia, lẽ ra chỉ bạn bè tín thọ, vì không có giáo lý chánh, kham nhận làm chứng, vì chẳng phải không có Thánh giáo, nói có bốn chi. Nói có ba chi là căn cứ ở Thánh giáo nào? Cho nên, thể của nội đẳng tịnh, tức tín căn, nghĩa là nếu chứng đắc tĩnh lự thứ hai thì đối với địa định, cũng có thể trong xa lìa, có tín sâu sinh, gọi là Nội đẳng tịnh, mặc dù các địa đều có tín căn, nhưng có thể lập chi, là chỉ có định

thứ hai, đến nay mới bắt đầu tín, các pháp của địa định, và đều có thể xa lia các pháp địa tán. Lại, thân thức tâm tứ của Sơ tĩnh lự, như nhiệt đơng lại trong bùn, niềm tin không trong sạch. Hai tĩnh lự sau, công dụng của hành xả tăng, lẩn đoạt tín căn, nên không có nội tịnh, nghĩa là do cảnh giác, tín lực mới tăng. Vì xả trái nhau này, nên có khả năng lẩn đoạt. Vì tín là tướng tịnh, nên đặt tên là tịnh, như phèn chua nước trong, vì khiến tâm tịnh, nên nội tâm bình đẳng làm duyên dẫn sinh tịnh này. Do tín căn này, gọi là nội đẳng tịnh. Hoặc tất cả công đức của định thứ hai, bình đẳng làm duyên dẫn sinh tĩnh này. Do đó đặt tên Nội đẳng tịnh không phải chỉ tâm tứ tĩnh dứt làm thể, vì các pháp này đều là thuộc về tâm sở, như thọ, tưởng, tư có tự thể thật riêng.

Có bộ khác nói: Hỷ chẳng phải hỷ thọ, hỷ thuộc về pháp tâm sở hành uẩn. Trong ba định, lạc đều hỷ thọ, nên hỷ, hỷ thọ, thể của chúng đều khác. Không phải lạc của ba định có thể gọi hỷ thọ, vì hai A-cấp-ma chứng rõ ràng, như nói về điên đảo đã nói trong Khế kinh: Dần dần diệt năm căn như ưu căn v.v... không còn sót. Trong định thứ ba, diệt hỷ không còn, diệt lạc không còn ở định thứ tư.

Lại, kinh khác nói: tĩnh lự thứ tư vì dứt vui, dứt khổ, trước hỷ, ưu mất, nên định thứ ba, không có hỷ căn. Do đó, hỷ thọ là hỷ không phải lạc. Như trước đã nói: Bảy trước trong tám đẳng chí, đều có ba, thứ tám có hai.

Đối với các định ô nhiễm làm sao biết có?

Đây là do Khế kinh và luận nói, nghĩa là Khế kinh nói: Định vô lậu tịnh rồi, cũng như nói vì Đức Thế Tôn chưa nói tất cả định, nên biết có định nhiễm khác chưa nói. Luận này cũng nói: Đối với các tĩnh lự, tất cả tùy miên tùy tăng của địa mình. Do các văn này vì biết có định nhiễm, nên nói tĩnh lự, gồm có hai thứ: Do định và sinh, có sai khác. Định lại có hai: Nghĩa là nhiễm và không nhiễm. Không nhiễm lại có hai là tịnh và vô lậu. Vô lậu lại có hai: Là Hữu học và Vô học.

Sự sai khác như thế, về lý, có rất nhiều. Trong tĩnh lự nhiễm có chi không?

Có, nhưng không phải tất cả. Định nào? Không có là sao? Tụng rằng:

*Nhiễm thứ lớp từ đầu  
Không hỷ, lạc nội tịnh  
Chánh niệm, tuệ, xả niệm  
Thuyết khác, không an, xả.*

**Luận nói:** Và lại, có một loại tùy theo tướng, nói rằng: Trong

nhiễm đầu không có ly sinh hỷ lạc, không phải là lìa phiền não mà được sinh. Dù định ô nhiễm, nhưng cũng tương ứng với hỷ, không phải vì nhân lìa sinh, nên không thuộc về chi. Ở đây, không chỉ nói lìa dục sinh hỷ, mà cũng nói nhân lìa nhiễm của địa mình mà sinh. Vì trong Khế kinh, trước nói rằng: Lìa các pháp ác bất thiện cõi Dục rồi.

Lại nói thế này: ly sinh hỷ lạc, nói lại trong đây, nói ly sinh, là biểu thị cũng có hỷ lìa hoặc địa mình sinh, vì biểu thị chi hỷ là tánh thiện, nên đức Bạc-già-phạm hợp và lạc để nói. Tương ứng và khinh an, là thiện. Do định nhiễm này, không có chi hỷ, nên chi nhiễm đầu tiên, chỉ có ba thứ: Trong nhiễm thứ hai, không có nội đẳng tịnh. Định nhiễm kia vì bị phiền não quấy nhiễu vẫn đục, nên cho dù các thế gian đều nói có niềm tin nhiễm mà không thuộc về tin, nên không lập chi. Lạc là khinh an, chỉ thuộc về tánh thiện. Vì so sánh đồng với sơ định, nên không ngăn dứt, nên chi nhiễm này chỉ có hai thứ: định nhiễm thứ hai thừa nhận có chi hỷ. Trong nhiễm đầu tiên, không có, thì dùng gì làm chứng, vì hỷ của Sơ định, nói là từ ly sinh. Trong thứ hai, vì không có nói ly sinh, nên trong nhiễm thứ ba không chánh niệm tuệ. Tĩnh lự thứ hai kia, vì bị lạc nhiễm làm mê loạn, nên trong định ô nhiễm dù có niệm, tuệ nhưng vẫn mất niệm, không chính thức gọi là tuệ, nên trong hai chi này chẳng có. Hành xả, chỉ thuộc về pháp thiện lớn, vì so sánh đồng với định thứ tư, nên ở đây không ngăn dứt. Vì thế, chi nhiễm này chỉ có hai thứ. Trong nhiễm thứ tư, không có xả, niệm tịnh, vì bị ô nhiễm do phiền não, do nhiễm thứ tư này chỉ có hai chi.

Có sư khác nói: Định, nhiễm Sơ, Nhị chỉ không có khinh an, trong hai nhiễm sau chỉ không có hành xả, vì thuộc về thiện lớn.

Thuyết kia nói: Hỷ, tín, niệm, tuệ trong nhiễm đều là thuộc về chi, vì đều có cả nhiễm.

Trong Khế kinh nói: Ba định có lay động, thứ tư không lay động.

Căn cứ ở nghĩa nào nói? Tụng rằng:

*Thứ tư gọi bất động*

*Vì lìa tám tai họa*

*Tám, nghĩa là tâm, tứ*

*Bốn thọ, thở ra vào.*

**Luận nói:** Ba tĩnh lự dưới, gọi là có động, là có tai họa. Tĩnh lự thứ tư gọi là bất động, nghĩa là không có tai họa. Tai họa có tám. Tám thứ ấy là gì? Bốn thọ, tâm, tứ hơi thở ra vào, tám tai họa này, tĩnh lự thứ tư đều không có.

Đức Phật, Đức Thế Tôn gọi là bất động. Nhưng kinh chỉ nói tĩnh

lự thứ tư không bị dao động do tâm, tứ, hỷ, lạc, nghĩa là kinh với mật ý nói. Luận y cứ pháp tướng, vì Bạc-già-phạm có chỗ nói: Dứt lạc, dứt khổ, trước, hỷ, ưu mất, an trụ đầy đủ tĩnh lặng thứ tư.

Lại nói: Thân hành của định kia đều diệt. Hơi thở ra vào, gọi là thân hành, nên biết, định này không phải chỉ riêng một mình tránh khỏi tai họa là bốn dao động: tâm, tứ, hỷ, lạc.

Có sư khác nói: Tĩnh lặng thứ tư, như đèn trong nhà kín, soi chiếu mà không chao động, nên gọi là bất động. Vì kinh nói dụ, nên tâm, tứ đâu có lỗi, mà cầu tĩnh, dứt? Tâm, tứ có công năng khiến tâm ở cảnh giới định mặc dù thường buộc niệm nhưng không vắng lặng, như nhánh cây dựa vào thân mà đứng vững, hợp với gió, nên lay động không ngừng.

Các sư Du già dù không ưa muốn hành tướng ngoại cảnh, để tâm dễ giải thoát một cách nhanh chóng, mà vì sức tâm tứ khiến cho tâm kia rong ruổi, nên ở trong định, tâm tứ có lỗi. Hỷ, Lạc ở định cũng có công năng cố động, chỉ bốn thứ này tương ứng với định mà có thể làm tâm dao động, nên kinh nói riêng về. Nhưng thật ra hai hơi thở ra vào, hai thọ ưu khổ, cũng có công năng cố động, nên luận nói tám. Hai pháp tâm tứ đã có lỗi này, không nên nói ở trong chi tĩnh lặng. Kinh chỉ nên nói: Tâm tứ vắng lặng, đâu chấp nhận cũng nói có tâm tứ, vì biểu thị tâm tứ, mặc dù tương ứng với định, nhưng ở trong định, hay bị tai họa, vì không nói, vì không hiểu rõ. Cho nên, nhất định nên nói, hoặc tâm tứ này đối với định, đầu tiên làm tư lương, vì làm đối trị phần xa tâm ác cõi Dục. Về sau, ở định thù thắng, mới bị tai họa, nên nói công dụng của tâm tứ không lường lường.

Xả có nghi thức hành, là phương tiện của pháp như thế. Nếu là đối tượng xả, thì đầu tiên, phải nên nương tựa, như muốn qua sông, trước phải nương vào thuyền bè. Sau khi đến bên kia bờ rồi, về lý, phải bỏ tất cả, nên Khế kinh nói: Dựa vào sắc, ra khỏi dục, dựa vào Vô sắc, ra khỏi sắc nương tựa đạo, ra khỏi Vô sắc. Nếu được Niết-bàn, cũng xuất Thánh đạo. Hai tâm tứ này, chấp nhận đều có với nhất tâm, như gió mạnh, yếu, hợp với một cành cây, nếu hai nghiệp này, cho có công năng cố động, thì sao lại nói nghiệp này tương ứng với định, tâm định thô cạn, tâm tứ được khích lệ mới có khả năng xuất liả nhiễm thô của cõi Dục, nên tâm tứ tương ứng và sơ định. Do tương ứng này chưa được thanh tịnh, như đèn dầu với mặt trời, đều cùng duyên thấy sắc. Đèn nhỏ, bóng tối đều soi rọi không sáng rõ. Ánh sáng mặt trời có tác dụng xua tan bóng tối, soi rọi rõ ràng.

Như thế, nên biết định Sơ tĩnh lặng dù tạo ra việc của mình, mà tâm

tứ cùng có, chưa soi rọi mà không có lay động, như tĩnh lực thứ tư. Nếu tâm ở định làm khuấy động loạn tâm, thì định vô lậu đều có, cũng bị tai họa. Vì sao kiến lập làm một chi đạo?

Đã nói tâm kia vì khích lệ chánh kiến, nên hành giả ở định khi chưa tập quen, không thể biết rõ đây là tai họa, nên đối với địa này, không muốn chán bỏ. Nếu đã thành thói quen, thì có thể biết rõ.

Trong Sơ tĩnh lực có tai họa này, như nước lóng sạch, trong ao có cá, trùng tìm ẩn ở dưới, quấy đục ngẫu. Hành giả đã nhận thấy hai pháp tâm tứ trong Sơ tĩnh lực, hay làm rối loạn, lay động, bèn ở một địa, sinh chung chán bỏ, nghĩa là sự thô cạn này, về lý, nên phải bỏ. Đối với tâm tứ ở Sơ tĩnh lực đã như thế, thì hỷ v.v... trong địa trên cũng thế. Như sự sai khác giữa các thọ của tĩnh lực định sinh cũng như thế, có phải không?

Không như vậy.

Thế là thế nào? Tụng rằng:

*Sinh tĩnh lực từ sơ*

*Có hỷ, lạc, xả thọ*

*Và hỷ, xả, lạc xả*

*Chỉ xả thọ, thứ lớp.*

**Luận nói:** Trong Sinh tĩnh lực, đầu tiên có ba thọ:

1. Hỷ thọ tương ứng với ý thức.

2. Lạc thọ tương ứng với ba thức.

3. Xả thọ tương ứng với bốn thức.

Thứ hai có hai. Nghĩa là hỷ với xả, tương ứng với ý thức, không có lạc thọ, không có thức. Khác, vì tâm vui (duyệt) thô.

Thứ ba có hai. Nghĩa là Lạc với xả, tương ứng với ý thức.

Thứ tư có một. Nghĩa là chỉ xả thọ, tương ứng với ý thức, đây là định sinh thọ có sai khác.

Ba tĩnh lực trên, không có ba thức thân và không có tâm tứ.

Làm sao sinh tĩnh lực kia có công năng thấy, nghe, xúc và khởi nghiệp biểu? Không phải sinh địa tĩnh lực kia không có nhãn thức v.v... chỉ không phải lệ thuộc địa kia. Vì sao? Tụng rằng:

*Sinh ba tĩnh lực trên*

*Khởi tâm biểu ba thức*

*Đều thuộc tĩnh lực đầu*

*Chỉ vô phú vô ký.*

**Luận nói:** Sinh ba địa trên, khởi ba thức thân và phát tâm biểu, đều thuộc sơ định, sinh trên, khởi dưới, như khởi hóa tâm, nên có khả năng thấy, nghe, xúc và phát biểu.



Bốn thứ này chỉ là vô phú vô ký, không khởi nhiễm địa dưới, vì đã lìa nhiễm, nên không khởi pháp thiện của địa dưới, vì thấp kém.

Như thế, giải thích riêng sự tĩnh lặng rồi. Tĩnh v.v... đẳng chí, đắc đầu tiên thế nào? Tụng rằng:

*Toàn không thành mà được*

*Tĩnh do lìa nhiễm sinh*

*Vô lậu do lìa nhiễm*

*Nhiễm do sinh và thoái.*

**Luận nói:** Tám đẳng chí căn bản, tùy theo sự thích ứng của đẳng chí. Nếu hoàn toàn không thành mà đạt được, thì các đẳng chí tịnh do hai nhân duyên:

1. Do lìa nhiễm, nghĩa là ở địa dưới khi lìa nhiễm địa dưới.

2. Do thọ sinh, nghĩa là lúc từ địa trên sinh địa mình. Bấy địa dưới đều như vậy, Hữu đánh thì không như thế, chỉ do lìa nhiễm không có địa trên, rồi không có từ địa trên, ở địa đó thọ sinh.

Trong đây, chỉ nói đẳng chí gốc, nghĩa là các phần gần, khi chưa lìa nhiễm, có hoàn toàn không thành do gia hạnh đắc.

Ngăn dứt gì nên nói hoàn toàn không thành?

Vì ngăn dứt đã thành, lại được phần ít, như do gia hạnh đắc, đẳng chí gốc tịnh và do thoái, nên được thuận với phần thoái kia, tức căn cứ ở nghĩa này, đặt ra câu hỏi này:

Vả lại, có định tịnh, do lìa nhiễm đắc, do lìa nhiễm xả, do thoái đắc, do thoái xả, do sinh đắc, do sinh xả hay không?

Đáp: Có. Nghĩa là thuận với phần thoái. Vả lại, Sơ tĩnh lặng thuộc về thuận với phần thoái, khi lìa nhiễm cõi Dục đắc, khi lìa tự nhiễm xả thoái, lìa tự nhiễm được thoái, lìa nhiễm cõi Dục xả, từ địa trên sinh tự đắc, từ tự sinh, địa dưới xả, thuộc về địa khác, nên tư duy như lý, vô lậu chỉ do lìa nhiễm nên đắc, nghĩa là bậc Thánh lìa nhiễm địa dưới đắc vô lậu của địa trên.

Vấn đề này cũng chỉ căn cứ hoàn toàn không thành, nghĩa là nếu trước đã thành thì thời gian khác cũng được, nghĩa là ở vị Tận trí được đạo Vô học, vào lúc luyện căn được Hữu học, Vô học, gia hạnh khác và lui sụt đều đúng như lý, nên tư duy. Mặc dù có do nhập chánh tánh ly sinh, thu đạt được căn bản, vô lậu, đẳng chí, mà không phải quyết định. Do thứ lớp, nghĩa là bấy giờ, vì chưa được định căn bản, nên trong ấy chỉ biện luận được quyết định, nghĩa là bậc Thánh lìa nhiễm địa dưới, chắc chắn đạt được định vô lậu căn bản của địa trên, nên nhiễm do thọ sinh và thoái nên được, nghĩa là khi địa trên mất, sinh địa dưới, được nhiễm

của địa dưới. Và khi ở địa này lìa nhiễm thoái lui, bị nhiễm của địa này, không do lìa nhiễm và gia hạnh đắc.

Với hai thời gian như thế, có khả năng xả, nhiễm.

Đẳng chí nào? Vô gián có bao nhiêu đẳng chí sinh? Tụng rằng:

*Vô lậu kế sinh thiện  
Trên dưới đến thứ ba  
Tịnh kế sinh cũng thế  
Sinh cả nhiễm địa mình  
Nhiễm sinh tự tịnh nhiễm  
Và dưới một địa tịnh  
Từ tịnh sinh tất cả  
Nhiễm sinh từ nhiễm dưới.*

**Luận nói:** Vô lậu theo thứ lớp sinh, thiện địa mình, và trên dưới, thiện là nói gồm nhiếp đủ tịnh và vô lậu, vì rất trái nhau, nên hẳn là không sinh nhiễm, nhưng đối với địa trên, dưới đều đến thứ ba, vì xa, nên không có khả năng vượt qua sinh thứ tư, nên ở trong bảy đẳng chí vô lậu, từ Sơ tinh lự vô gián sinh sáu, nghĩa là tự hai, ba đều vô lậu tịnh. Vô sở hữu xứ vô gián sinh bảy, là địa dưới của mình sáu, địa trên chỉ có tịnh. Tinh lự thứ hai vô gián sinh tám, nghĩa là địa trên của mình sáu và địa dưới hai.

Thức vô biên xứ vô gián sinh chín, là địa dưới của mình sáu và địa trên ba.

Thứ ba, thứ tư không vô biên xứ vô gián sinh mười, nghĩa là địa trên, dưới tám và địa mình hai.

Loại trí vô gián có thể sinh ở Vô sắc, pháp trí không như vậy, vì dựa vào duyên riêng. Từ đẳng chí tịnh sinh ra cũng như thế, và đều sinh ra ô nhiễm của địa mình, nên Hữu đẳng tịnh, vô gián sinh sáu, nghĩa là địa mình tịnh nhiễm, tịnh, vô lậu địa dưới.

Từ Sơ tinh lự vô lậu sinh bảy, vô sở hữu tám, định thứ hai, sinh chín.

Thức xứ sinh mười, xứ khác sinh mười một.

Từ đẳng chí nhiễm, sinh nhiễm, tịnh của địa mình, và sinh thứ lớp định tịnh của một địa dưới, nghĩa là vì bức não do phiền não của địa mình. Đối với định tịnh dưới, cũng sinh tôn trọng, nên có từ nhiễm sinh. Kế là, tịnh địa dưới vì rất trái nhau, nên không sinh vô lậu. Nếu đối với nhiễm, tịnh, có khả năng biết cho đúng, từ nhiễm chuyển sinh tịnh của địa dưới. Thế là tịnh này lại từ tịnh sinh, vì biết rõ đúng là thuộc về tịnh, nên không phải các ô nhiễm mà có thể chính thức biết rõ.

Làm sao đẳng chí nhiệm kia có thể từ nhiệm sinh tịnh?

Vì sức nguyện trước kia, nghĩa là trước đã nguyện: Thà được tịnh của địa dưới, chứ không cần nhiệm của địa trên.

Uy lực của nguyện trước vì tùy chuyển nối tiếp nhau, nên về sau, từ nhiệm sinh định tịnh của địa dưới, như lập nguyện trước, mới hướng về thù miên, đến khi được như trông mong, mới có thể giác ngộ.

Như thế, đã nói tịnh, nhiệm sinh nhiệm, chỉ nói theo định tịnh và nhiệm để nói. Nếu sinh tịnh nhiệm sinh nhiệm thì không đúng, nghĩa là khi qua đời, từ tịnh sinh đắc, mỗi vô gián sinh tất cả nhiệm. Nếu từ sinh nhiệm, thì mỗi vô gián, có công năng sinh tất cả nhiệm của địa dưới, địa mình, không sinh địa trên, vì chưa lìa nhiệm của địa dưới.

Đã nói từ tịnh sinh vô lậu, nghĩa là tất cả hạt giống đều có công năng sinh ư? Không như thế thì thế nào? Tụng rằng:

*Định tịnh có bốn thứ  
Túc thuận với phần thoái  
Thuận trụ, thuận thắng tấn  
Thuận thuộc phần quyết trạch  
Thứ lớp, thuận phiền não  
Vô lậu, từ địa trên  
Lẫn nhau như thứ lớp  
Sinh hai, ba, ba, một.*

**Luận nói:** Các đẳng chí tịnh, gồm có bốn thứ :

1. Thuộc về thuận phần thoái.
2. Thuộc về thuận phần trụ.
3. Thuộc về thuận phần thắng tấn.
4. Thuộc về thuận phần quyết trạch.

Địa đều có bốn, Hữu đánh chỉ ba. Do địa Hữu đánh kia lại là địa không có trên, để hướng đến, nên địa đó không có thuộc về phần thuận phần thắng tấn. Trong bốn phần này, chỉ phần thứ tư có công năng sinh ra vô lậu. Vì sao? Do bốn thứ này có tướng như thế:

Thuận với phần thoái, hay thuận với phiền não. Thuận phần trụ, hay thuận với địa mình. Thuận với phần thắng tấn, hay thuận với địa trên. Thuận với phần quyết trạch, hay thuận với vô lậu, nên các vô lậu chỉ từ địa này sinh.

Có sư khác nói: Thuận với phần thoái là trụ địa kia có thể lui sụt. Thuận với phần trụ là trụ ở địa kia không lui sụt, cũng không tiến tới. Thuận với phần thắng tấn là trụ địa kia có thể tiến lên. Thuận với phần quyết trạch là trụ địa kia, khởi Thánh đạo.

Có thuyết nói: Trụ địa kia thuận với thông đạt đế. Do đó, vô gián có thể nhập ly sinh, nên biết nghĩa quyết định trong đây, là các Thánh đạo, thì vô gián này sinh, không phải vô gián này có khả năng sinh Thánh đạo. Nếu khác với đây, thì phải nói: Chỉ pháp thế đệ nhất gọi thuận với phần quyết trạch.

Có sư khác nói: Thuận với phần thoái, nghĩa là xen lẫn nhau địa dưới, trên với các phiền não, vì nhiễm, tịnh lần lượt hiện ở trước.

Thuận với phần trụ. Nghĩa là công năng dùng các thứ hành tướng như thô v.v... trái bỏ hành tướng tinh v.v... của địa dưới, thâm nhiếp địa mình.

Thuận với phần thắng tấn. Nghĩa là quán địa mình vượt qua công đức của địa trên.

Thuận với phần quyết trạch. Như Noãn, Đảnh, Nhẫn, Pháp thế đệ nhất.

Vô gián vô lậu, phần nào hiện tiền?

Có thuyết nói: Có cả ba, trừ thuận với phần thoái. Về lý, thật ra chỉ hai, là hai thứ sau.

Các hữu tu tập, đẳng chí siêu việt v.v... vì chỉ thuận với phần quyết trạch rất vững chắc, thù thắng.

Các sư Du già nói thế này: Nếu quán hành giả đối với định của địa mình, không khéo thông đạt, không thường an trụ. Đối với định của địa trên không hơn hờ mong cầu, thường thường hiện hành, thuận với tướng của địa dưới. Đẳng trì kia, gọi là thuận với phần thoái. Hoặc do địa mình lìa nhiễm, lui sụt đắc, gọi là thuận với phần thoái, Bồ-đặc-già-la thành tựu định này, gọi là người lui sụt, như trở thành đi như bò, gọi là bò, hung tợn khó quay về, gọi là hành vi của bò. Đối với định của địa mình, đam mê, đắm nhiễm không bỏ. Đối với định của địa trên, không chịu hơn hờ mong cầu, đẳng trì đó được gọi là thuận với phần trụ. Đối với định của địa mình, dù thường an trụ, nhưng không đắm nhiễm. Đối với định của địa trên, vui hơn hờ, dẫn dắt đẳng trì kia, gọi là thuận với phần thắng tấn. Đối với định trên địa mình, đều không mê đắm, trụ nhiều tướng nhằm chán, vì muốn cho dứt đẳng trì kia, gọi là thuận với phần quyết trạch.

Các hữu an trụ, thuận với phần thoái, nghĩa là đối với quả rộng lớn, phần nhiều, tâm bị ràng buộc.

Các hữu an trụ, thuận với phần trụ, nghĩa là thường an trong trụ định mình, không thể cầu địa trên.

Các hữu an trụ thuận với Thắng tấn: Có khả năng lần lượt cầu

định thù thắng khác. Nhưng, về phần thắng tấn, gồm có hai thứ:

1. Công đức thù thắng của địa mình.
2. Công đức thù thắng của địa trên.

Nếu có năng lực dẫn dắt địa kia, gọi là thuận với phần thắng tấn.

Phần này có hai loại: Hoặc nhằm chán, hoặc ưa thích.

Các hữu an trụ thuận với quyết trạch. Nghĩa là ưa dứt các hữu, thích tu vô lậu, đó gọi là an trụ bốn phần, nghĩa là riêng khác.

Nếu thuận với phiền não, thì sẽ gọi thuận với phần thoái.

Sao các A-la-hán có lui sụt?

Về lý, không phải A-la-hán kia cũng có thuận với phần thoái nhất định, vì có thể khiến cho hiện hành lìa nhiễm, xả. Mặc dù có vấn nạn này, nhưng thật sự không trái, nghĩa là thuận với trụ, trong đó có thuận với thoái, nghĩa là cũng được lập tên, thuận với phần thoái. Từ trụ kia có thoái, như trước kia đã nói.

Bốn tướng này sinh ra làm nhau. Nghĩa là đầu tiên, công năng sinh hai, nghĩa là thuận với trụ thoái.

Thứ hai, là sinh ba, trừ thuận quyết trạch.

Thứ ba, sinh ba, trừ thuận với phần thoái.

Thứ tư, sinh một, nghĩa là tự địa không phải địa khác.

Có thuyết nói: Cũng có công năng sinh thuận với phần thắng tấn.

Như trên đã nói: Tịnh và vô lậu, đều có khả năng địa trên, dưới siêu việt đến thứ ba.

Làm sao hành giả tu đẳng chí siêu việt? Sự sai khác của gia hạnh hoàn thành, viên mãn thế nào? Tụng rằng:

*Hai loại định thuận, nghịch*

*Đều gián, tiếp và siêu*

*Đến gián, siêu là thành*

*Vô học, ba châu lợi.*

**Luận nói:** đẳng chí thiện gốc được chia làm hai loại:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu

Đi qua trên, gọi là thuận, trở xuống dưới, gọi là nghịch, đồng loại gọi là quân (đều), khác loại gọi là gián, gần nhau gọi là thứ vượt qua một, gọi siêu, nghĩa là người tu hạnh quán, khi tu siêu việt định, trước là đối với đẳng chí của tám địa hữu lậu, quân thứ thuận, nghịch hiện tiền thường xuyên tập.

Kế là, đối với đẳng chí của bảy địa vô lậu, quân, thứ thuận, nghịch hiện tiền thường tu tập.

Kế là, gian thứ thuận, nghịch đối với đẳng chí hữu lậu, vô lậu hiện tiền thường tu tập.

Kế là, quân, siêu, thuận, nghịch đối với vô lậu, hiện tiền thường tập.

Đây gọi là tu tập gia hạnh siêu việt hoàn mãn. Về sau, đối với đẳng chí hữu lậu, vô lậu, gian, siêu, thuận, nghịch, gọi là siêu việt hoàn thành.

Siêu, trong đây có nghĩa là siêu việt tức khắc hai:

1. Siêu địa.

2. Siêu pháp.

Vì chỉ có khả năng siêu việt một, nên đến thứ ba. Vì xa, nên không có khả năng siêu nhập thứ tư. Tu đẳng chí siêu việt, chỉ ba châu cõi Dục, trừ châu Câu lô ở phía Bắc. Tuy nhiên, có cả nam, nữ, các A-la-hán bất thời giải thoát, phải được vô tránh, nguyện trí vv.v... bờ mé định, nghĩa là khả năng siêu việt, không phải pháp khác. Vì định tự tại, nên không có phiền não, thời giải thoát mặc dù không có phiền não nhưng nhất định không tự tại. Các người Kiến chí, mặc dù định tự tại, nhưng có còn phiền não, nên đều không thể tu Đẳng chí siêu việt. Tác ý thắng giải không thể vô gián tu đẳng chí siêu việt vì thế lực kém.

Các đẳng chí này dựa vào thân này khởi? Tụng rằng:

*Các định dựa dưới mình*

*Không phải trên, vô dụng*

*Chỉ Thánh sinh Hữu đẳng*

*Khởi dưới trừ hết hoặc.*

**Luận nói:** Các đẳng chí khởi dựa thân dưới của mình, dựa vào thân của địa trên không chấp nhận khởi đẳng chí của địa dưới. Vì địa trên khởi địa dưới không có công dụng, vì tự có định thù thắng, nên thế lực địa dưới kém. Vì đã từ bỏ, vì đáng chán bỏ. Tương chung, tuy vậy nhưng nếu nói tử mĩ thì Thánh sinh Hữu đẳng, sẽ khởi Vô sở hữu xứ vô lậu, vì dứt hết phiền não khác của địa mình, vì tự không có Thánh đạo, ưa thích khởi, vì chỉ vô sở hữu rất gần, nên khởi địa kia hiện tiền, dứt hết phiền não khác, lia đạo vô lậu, thì không có khả năng dứt hoặc khác kia thành A-la-hán.

Thế nên, Vô sở hữu xứ vô lậu Hữu đẳng dựa vào thân chín địa, Vô sở hữu xứ hữu lậu dựa vào thân tám địa. Thức vô biên xứ vô lậu, hữu lậu, dựa vào thân của bảy địa. Không vô biên xứ dựa vào thân sáu địa, cho đến sơ định, dựa vào thân hai địa, nghĩa là địa mình và địa cõi Dục. Nếu thành tựu dựa vào hữu lậu, như khởi vô lậu, thì tất cả đều dựa vào

thân chín địa.

Trong các đẳng chí duyên gì, cảnh nào? Tụng rằng:

*Vị định duyên tự buộc  
Vô lậu, tịnh duyên khắp  
Thiện căn bản Vô sắc  
Không duyên hữu lậu dưới.*

**Luận nói:** Vị định chỉ duyên pháp hữu lậu của địa mình, vì pháp hữu lậu là sự đối tượng trói buộc.

Nói sự trói buộc, biểu thị thuộc về ba hữu, không duyên pháp vô lậu, vì chuyển hành tướng ái. Nếu vô lậu ái, thì không phải phiền não. Không duyên pháp của địa trên, vì địa giới ái khác nhau, nên không duyên pháp của địa dưới, vì đã lia tham kia. Tịnh và vô lậu đều có công năng duyên khắp. Địa mình, trên, dưới hữu vi, vô vi, vì đều làm cảnh, nên có sai khác, nghĩa là vô ký, vô vi, không phải cảnh vô lậu, chỉ đối với pháp hữu nói chủ thể duyên khắp, đều sở duyên, vì trước đã nói. Địa căn bản gồm nhiếp thiện, định Vô sắc, không duyên các pháp hữu lậu của địa dưới, vì pháp địa dưới, không vắng lặng. Thiện căn bản, Vô sắc rất vắng lặng. Vì do lý này, nên kinh đối với Vô sắc, đều nói siêu việt tất cả địa dưới. Đối với các tĩnh lự không nói như thế, vì căn bản, Vô sắc không duyên trói buộc địa dưới. Thế nên, nói lời siêu việt đối với địa dưới.

Trong các tĩnh lự, vì có trí duyên khắp, nên không nói lời siêu việt đối với địa dưới.

Đã nói lời nói siêu việt tướng sắc v.v... nên biết chỉ căn cứ ở siêu sở duyên để nói. nếu siêu việt này vì biểu thị lia trói buộc, lẽ ra phải nói siêu việt tất cả, không phải chỉ tướng sắc v.v....

Lại, trong tĩnh lự, nên nói siêu việt, pháp của địa trên mình đều có công năng duyên. Mặc dù cũng có công năng duyên vô lậu của địa dưới, nhưng chỉ duyên loại, không duyên phẩm pháp, vì chỉ năng duyên, gọi là đối trị hoàn toàn, nên pháp không phải đối trị hoàn toàn, như trước đã nói.

Lại, pháp phẩm đạo đối với cõi Vô sắc, dù có công năng đối trị mà là khách không phải chủ, cũng không thể duyên pháp của địa dưới diệt.

Đã ngăn dứt căn bản Vô sắc duyên địa dưới. Về nghĩa, căn cứ phần gần có công năng duyên địa dưới, vì đạo Vô gián kia hẳn là duyên địa dưới.

Trong ba đẳng chí vị, tịnh, vô lậu, sức đẳng chí nào có công năng

dứt các phiền não? Tụng rằng:

*Vô lậu hay dứt hoặc  
Và các tịnh, phần gần.*

**Luận nói:** Các định vô lậu đều có công năng dứt hoặc tịnh căn bản, hãy còn không có công năng, hướng chi các ô nhiễm có thể dứt, nghĩa là tịnh căn bản, chắc chắn không thể dứt, vì địa dưới đã lìa nhiễm, nên không hay dứt vì địa trên, vượt thù thắng địa mình, nên không thể dứt hoặc của địa mình với địa mình, vì đồng một ràng buộc. Lại, vì tự mình đối với mình, chẳng phải đối trị.

Nếu phần gần tịnh cũng có công năng dứt hoặc, vì đều hay dứt địa dưới kế tiếp, trung gian gồm nhiếp tịnh, cũng không thể dứt.

Phần gần có bao nhiêu? Tương ứng với thọ nào? Về ba thứ như vị v.v... đều có đủ không? Tụng rằng:

*Tám xả tịnh phần gần  
Đầu cũng Thánh, hoặc ba.*

**Luận nói:** Các định phần gần cũng có tám thứ làm môn nhập cho tám căn bản, tất cả chỉ một xả, thọ tương ứng, vì chuyển biến tạo ra công dụng, vì chưa lìa nỗi sợ hãi của địa dưới, nên tám phần gần này đều thuộc về định tịnh, chỉ phần gần đầu tiên cũng có cả vô lậu, đều không có vị, vì đạo lìa nhiễm.

Bảy phần gần trên không có vô lậu, nghĩa là đối với pháp của địa mình, vì không nhằm trái, chỉ phần gần đầu tiên có cả vô lậu, nghĩa là đối với pháp của địa mình, có công năng chán trái. Địa này rất gần, nhiều cõi tai họa, vì các tham cõi Dục, do tầm tứ khởi, vì địa này cũng có tầm tứ theo đuổi.

Nếu vậy, thì vì sao Tỳ-bà-sa nói: Các địa phần gần có kiết sinh tâm, chẳng phải không có tâm nhiễm, mà có lý kiết sinh, nên phần gần có tương ứng với vị? Nay, ở đây ngăn dứt có định nhiễm, vì không ngăn dứt sinh nhiễm, nên không trái nhau.

Hoặc có sự khác nói như thế này: định phần gần đầu tiên, cũng có định nhiễm, chưa khởi căn bản cũng vì tham này.

Do đó, Vị chí có đủ ba thứ: Trung gian, tinh lự và các phần gần.

Vì không có nghĩa khác hay cũng có khác?

Về nghĩa cũng có khác, nghĩa là các phần gần, là đạo lìa nhiễm nhập trong nhân căn bản, trung gian không như vậy. Lại có nghĩa khác. Tụng nói:

*Trung tinh lự không tâm  
Đủ ba, chỉ xả thọ.*



**Luận nói:** Đầu tiên căn bản phần gần tương ứng với tâm tứ. Trong bảy định của địa trên đều không có tâm, tứ, chỉ trung gian tĩnh lực có tứ, không có tâm, nên trung gian vượt hơn sơ chưa kịp đến thứ hai. Vì căn cứ nghĩa này, nên đặt danh từ trung gian. Do địa trên này không có trung gian tĩnh lực, vì một địa lên, xuống không như đây. Nghĩa là định trung gian thuộc về Sơ tĩnh lực mà có sai khác, nghĩa là định này giảm tâm địa trên lập trung gian.

Vì giảm gì trở thành khác, nên định Trung gian sơ địa có, địa trên không có.

Há không là Khế kinh nói về bảy định nương dựa sao biết có riêng Vị chí, Trung gian?

Do có Khế kinh và chánh lý. Vả lại, có Vị chí, như Khế kinh nói: Các hữu chưa thể nhập Sơ định v.v... đầy đủ an trụ, mà do Thánh tuệ được các lậu tận ở trong hiện pháp. Nếu không có Vị chí, thì Thánh tuệ sẽ dựa vào đâu?

Lại, trong Khế kinh Tô-sư-ma nói: Người có tuệ giải thoát không được định căn bản. Chẳng lẽ không là dựa vào định thành tuệ giải thoát? Do đó chứng biết có định Vị chí, có định trung gian. Như Khế kinh nói: Có tâm tứ v.v... ba Tam-ma-địa. Kinh nói: Sơ định và tâm tứ đều cùng có trong định thứ hai tâm tứ v.v... đều dứt. Nếu không có trung gian tĩnh lực thì tĩnh lực nào có từ, không có tâm, mà dùng tâm, tâm sở dần dần dứt. Về lý, nên có định có từ không có tâm. Lại, Đại Phạm vương là chủ thế giới, ngoài định trung gian, định nào làm nhân thù thắng, do đó chứng biết có định trung gian. Nhưng Đức Phật không thường nói có Vị chí, Trung gian, vì lẽ hai định này tức thuộc Sơ tĩnh lực, nói Sơ tĩnh lực, tức đã nói hai định kia, chỉ phần gần đầu tiên, gọi Vị chí, là vì muốn phân biệt phần gần khác, không phải phần gần này nhân định trước khởi.

Lại, không phải trụ định này, đã khởi vị ái. Dựa vào nghĩa như thế, đặt tên Vị chí, không phải bên định trên, cũng gọi là Vị chí, đều do thế lực của định trước dẫn sinh. Và khi trụ định kia, là đã khởi vị.

Tỳ-bà-sa nói thế này: Chưa đến bản địa đặt tên là Vị chí, là nghĩa đức của địa căn bản chưa hiện tiền. Định trung gian này đủ ba vị v.v... lệ thuộc riêng một chỗ sinh, nghĩa là cực lực tu tập định trung gian, vị lai sẽ ở xứ Đại Phạm sinh, nên cũng đủ ba, như định căn bản, không phải địa căn bản khởi tham ái kia, như sở vị có khác, năng vị, cũng khác, định căn bản này có đức thù thắng, có thể ái vị nên định vô lậu sinh cũng giảm dần. Định vô lậu này cũng hoàn toàn tương ứng với xả thọ. Vì không có thân ba thức, nên không có lạc thọ. Không có hỷ thọ, nghĩa

là đã không chung với sơ định, nhưng đối với tham ở sơ định chưa thể xa lìa. Lại, vì tự cố gắng chuyển công dụng, nên do đó, nói là thuộc về khổ thông hành, không phải ưu khổ, vì đã ra khỏi cõi Dục.

Do đó, hoàn toàn tương ứng với xả thọ. Định này có công năng chiêu cảm quả xứ Đại Phạm, đa số người tu tập là vì sanh lên cõi trời Đại Phạm.

